

Bản án số: 09/2021/DSST

Ngày 18 - 6 - 2021

“V/v Tranh chấp nợ hui
và hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Ảnh

2/ Bà Nguyễn Thúy Phương

- Thư ký phiên tòa: Anh Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST- TCDS ngày 10 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp nợ hui và hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXX - ST ngày 11/5/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh V, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Số 16, tổ 3, đường số 5, ấp 1, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V, bà L: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1976. Địa chỉ: 17/8D, tổ 11, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ liên hệ: Số 97A N, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Văn bản ủy quyền ngày 19/02/2020. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ 2, ấp 1, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1966. Nơi cư trú: 54 N, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2020. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Lương Thị X, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ 5, ấp 1, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp 2, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

3. Chị Phạm Thị Ngọc T. Nơi cư trú: Ấp 2, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2020 của ông Trần Thanh V, bà Nguyễn Thị L và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn trình bày:**

Do có quen biết với nhau từ trước nên giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện giao dịch vay tiền và góp tiền hụi, do bị đơn làm chủ hụi. Đến thời điểm nguyên đơn hốt hụi thì bị đơn không chịu giao tiền hụi cho nguyên đơn, hụi mà nguyên đơn và bị đơn tham gia là hụi có lãi. Hiện nay bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền nợ hụi và tiền nợ vay tổng cộng là 706.840.000đ, trong đó nợ hụi cả lãi và gốc là 633.600.000đ, nợ vay là 4.600.000đ. Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả thêm số tiền lãi tính từ tháng 5 năm 2020 đến ngày 18/6/2021 là 68.640.000đ.

Cụ thể như sau:

1) Bà Nguyễn Thị L góp hụi với bị đơn bà Phạm Thị Kim H tổng cộng 06 dây hụi, trong đó có 02 dây hụi tuần và 04 dây hụi tháng, tất cả đều là hụi có lãi, cụ thể:

+ 01 dây hụi tháng, mở ngày 25/9/2018, dây 2.000.000đ, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng 15 lần, tổng cộng là 20.100.000đ (lãi bà L được hưởng là 9.900.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của bà L 30.000.000đ.

+ 01 dây hụi tháng, mở ngày 05/02/2019, dây 1.000.000đ, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng được 11 lần, tổng cộng là 7.900.000đ (lãi bà L được hưởng là 3.100.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của bà L 11.000.000đ.

+ 01 dây hụi tháng, mở ngày 10/8/2019, dây 5.000.000đ, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng được 06 lần, tổng cộng là 19.290.000đ (lãi bà L được hưởng là 10.710.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của bà L 30.000.000đ.

+ 01 dây hụi tháng mở, ngày 30/8/2019, dây 3.000.000đ, bà L tham gia 02 phần, bà L đã đóng được 05 lần, tổng cộng là 21.120.000đ (lãi bà L được hưởng là

8.880.000đ) Dây hụi này bà H còn nợ của bà L 30.000.000đ

+ 01 dây hụi tuần, mở ngày 12/9/2019, dây 2.000.000đ, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng được 20 lần, tổng cộng là 30.660.000đ (lãi bà L được hưởng là 93400.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của bà L là 40.000.000đ

+ 01 dây hụi tuần, mở ngày 06/10/2019, dây 2.000.000đ, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng được 15 lần, tổng cộng là 23.160.000đ (lãi bà L được hưởng là 6.840.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của bà L là 30.000.000đ

2) Ông Trần Thanh V góp hụi với bị đơn tổng cộng 12 dây, trong đó có 02 dây hụi tuần; 05 dây hụi ngày và 05 dây hụi tháng, cụ thể:

+ 01 dây hụi tháng, mở ngày 10/3/2019, dây 5.000.000đ, ông V tham gia 01 phần, ông V đã đóng được 10 lần, tổng cộng là 36.890.000đ (Lãi ông V được hưởng là 13110.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của ông V là 50.000.000đ

+ 01 dây hụi tháng, mở ngày 15/11/2018, dây 5.000.000đ, ông V tham gia 01 phần, ông V đã đóng được 14 lần, tổng cộng là 48.420.000đ (Lãi ông V được hưởng là 21.580.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của ông V là 70.000.000đ

+ 01 dây hụi tháng, mở ngày 30/11/2018, dây 3.000.000đ, ông V tham gia 01 phần, ông V đã đóng được 13 lần, tổng cộng là 28.450.000đ (Lãi ông V được hưởng là 10.550.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của ông V là 39.000.000đ

+ 01 dây hụi tháng, mở ngày 10/7/2019, dây 5.000.000đ, ông V tham gia 01 phần, ông V đã đóng được 6 lần, tổng cộng là 21.390.000đ (Lãi ông V được hưởng là 8.610.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của ông V là 30.000.000đ

+ 01 dây hụi tháng, mở ngày 30/8/2019, dây 3.000.000đ, ông V tham gia 01 phần, ông V đã đóng được 4 lần, tổng cộng là 8.910.000đ (Lãi ông V được hưởng là 3.090.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của ông V là 12.000.000đ

+ 01 dây hụi tuần, mở ngày 29/8/2019, dây 2.000.000đ, ông V tham gia 02 phần, ông V đã đóng được 18 lần, tổng cộng là 57.640.000đ (Lãi ông V được hưởng là 14.360.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của ông V là 72.000.000đ.

+ 01 dây hụi tuần, mở ngày 17/11/2019, dây 2.000.000đ, ông V tham gia 02 phần, ông V đã đóng được 6 lần, tổng cộng là 18.460.000đ (Lãi ông V được hưởng là 5.540.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của ông V là 24.000.000đ.

+ 01 dây hụi ngày, mở ngày 27/9/2019, dây 100.000đ, ông V tham gia 05 phần, ông V đã đóng được 46 lần, tổng cộng là 29.675.000đ (Lãi ông V được hưởng là 3.325.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của ông V là 33.000.000đ

+ 01 dây hụi ngày, mở ngày 22/10/2019, dây 200.000đ, ông V tham gia 05 phần, ông V đã đóng được 44 lần, tổng cộng là 40.600.000đ (Lãi ông V được hưởng là 3.400.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của ông V là 44.000.000đ

+ 01 dây hụi ngày, mở ngày 30/10/2019 dây 200.000đ, ông V tham gia 05

phần, ông đã đóng được 41 lần, tổng cộng là 37.3500.000đ (Lãi ông V được hưởng là 3.650.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của ông V là 41.000.000đ

+ 01 dây hụi ngày, mở ngày 30/10/2019, dây 200.000đ, ông V tham gia 05 phần, ông V đã đóng được 36 lần, tổng cộng là 32.850.000đ (Lãi ông V được hưởng là 3.150.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của ông V là 36.000.000đ.

+ 01 dây hụi ngày, mở ngày 21/11/2019, dây 100.000đ, ông V tham gia 05 phần, ông V đã đóng được 14 lần, tổng cộng là 5.650.000đ (Lãi ông V được hưởng là 1.350.000đ). Dây hụi này bà H còn nợ của ông V là 7.000đ.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Đơn khởi kiện; bản sao chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu; các bản tự khai; bản pho to các giấy viết tay theo dõi hụi; đơn xin miễn án phí; 15 tờ giấy viết tay ghi trên nền tờ lịch; hợp đồng ủy quyền; bản chính 01 giấy Biên nhận mượn tiền, đề ngày 8/3/2019DL, ghi trên nền giấy ôli có chữ ký Phạm Thị Kim H đã bị gạch nhiều nét chồng lên và một số bản pho to danh sách hụi.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện của bị đơn bà Trần Thị Mộng T trình bày:**

Bị đơn không đồng ý trả số tiền trên cho nguyên đơn, vì bị đơn không còn nợ của nguyên đơn. Thời điểm trước ngày 08/8/2019, ông V, bà L và bà H có chơi hụi, bà H làm chủ hụi ông V, bà L là hụi viên và có tham gia vay nợ qua lại với nhau. Nhưng sau đó ông V, bà L và bà H xảy ra mâu thuẫn nên chấm dứt việc góp hụi và vay mượn nợ. Ngày 08/8/2019, thì ông Vân, bà L và bà H cùng ngồi lại tính toán lại tất cả các khoản nợ vay và tiền nợ hụi. Sau khi cân trừ qua lại thì hai bên thống nhất bà H còn nợ ông V và bà L 50.000.000đ và bà H đã trả 50.000.000đ bằng tiền mặt cho ông V, ông V nhận và viết giấy xác nhận không còn nợ nữa. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn không còn nợ nần gì nhau, cả nợ hụi lẫn nợ vay.

Tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp: Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; bản tự khai; giấy ủy quyền, bản chính giấy nhận tiền ký tên Trần Thanh V, đề ngày 08/8/2019.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng - Chị Phạm Thị Ngọc T khai:**

Chị xác định bà L, ông V và chị có tham gia chơi hụi với bà H, bà H làm chủ hụi. Tuy nhiên, ông V và bà L đã tham gia chơi bao nhiêu dây hụi, nộp tiền hụi cho bà H chung hay riêng, cụ thể là bao nhiêu tiền, hiện nay bà H còn nợ tiền hụi của ông V và bà L nữa hay không và sau ngày 08/8/2019, giữa ông V, bà L và bà H có còn tham gia nộp nữa hay không thì chị không biết. Đối với số tiền 4.600.000đ ông V khởi kiện bà H cho rằng bà H vay của ông V chưa trả thì chị cũng không biết gì về việc có khoản nợ này hay không.

Tài liệu, chứng cứ chị N giao nộp: Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, đơn xin vắng mặt.

* Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng - Chị Nguyễn Thị Bích N khai:

Chị xác định bà L, ông V và chị có tham gia chơi hụi với bà H, bà H làm chủ hụi. Tuy nhiên, ông V và bà L đã tham gia chơi bao nhiêu dây hụi, nộp tiền hụi cho bà H chung hay riêng, cụ thể là bao nhiêu tiền cũng như việc cản trừ từ nợ vay sang nợ hụi như thế nào thì chị không biết. Hiện nay bà H còn nợ tiền hụi của ông V và bà L nữa hay không, sau ngày 08/8/2019, ông V và bà L có còn góp hụi với bà H nữa hay không thì chị không biết. Sau ngày 08/8/2019, chị có thấy bà L đến nhà bà H 01 đến 02 lần nhưng không biết là đến góp hụi hay đến đòi nợ hụi. Đối với số tiền 4.600.000đ ông V khởi kiện bà H cho rằng bà H vay của ông V chưa trả thì chị xác định không biết gì về việc có khoản nợ này hay không.

Tài liệu, chứng cứ chị N giao nộp: Sổ hộ khẩu bản sao, đơn xin vắng mặt.

* Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng chị Lương Thị X khai:

Chị xác định bà L, ông V và chị có tham gia chơi hụi với bà H, bà H làm chủ hụi. Ông V và bà L đã tham gia tất cả bao nhiêu dây hụi, nộp tiền hụi cho bà H chung hay riêng, cụ thể là bao nhiêu tiền cũng như việc cản trừ từ nợ vay sang nợ hụi như thế nào thì chị không biết. Hiện nay bà H còn nợ tiền hụi của ông V và bà L nữa hay không, sau ngày 08/8/2019, ông V và bà L có còn góp hụi với bà H nữa hay không thì chị cũng không biết. Đối với số tiền 4.600.000đ ông V khởi kiện bà H cho rằng bà H vay của ông V chưa trả thì chị xác định không biết gì về việc có khoản nợ này hay không.

Tài liệu, chứng cứ chị X giao nộp: Bản pho to giấy phép lái xe, sổ hộ khẩu (Tòa án đối chiếu bản chính).

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và đề nghị:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền tổng cộng là 706.840.000đ. Tuy nhiên, bị đơn không chấp nhận còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu và nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho các yêu cầu của mình là có căn cứ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền nợ hụi và tiền nợ vay chưa trả. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện nguyên đơn được xác định loại việc tranh chấp dân sự, về việc tranh chấp nợ hụi và vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền:

Bà Phạm Thị Kim H, có địa chỉ cư trú tại tổ 2, ấp 1, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai là người bị nguyên đơn khởi kiện. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng nguyên đơn đã ủy quyền cho ông Nguyễn Quang T đại diện, bị đơn đã ủy quyền cho bà Trần Thị Mộng T đại diện là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về số tiền nợ hui:

Nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền nợ hui là 633.600.000 đồng (trong đó nợ hui của ông V là 462.600.000đ, gốc là 366.185.000 đồng, lãi 96.815.000 đồng. Nợ hui của bà L là 171.00.000 đồng, gốc là 125.230.000 đồng, lãi là 45.770.000 đồng). Đây là số tiền nợ hui nguyên đơn góp hui cho bị đơn từ đầu năm 2018 đến cuối năm 2019, bị đơn đã thu của nguyên đơn nhưng chưa thanh toán cho nguyên đơn.

Người đại diện của bị đơn khai, trước đây giữa nguyên đơn và bị đơn có chơi hui và vay mượn nợ qua lại của nhau. Nhưng sau đó giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra mâu thuẫn nên chấm dứt việc góp hui và vay mượn nợ. Ngày 08/8/2019, nguyên đơn và bị đơn cùng ngồi lại tính toán lại tất cả các khoản nợ vay và tiền hui, hai bên thống nhất bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền 50.000.000đ và bị đơn đã trả số tiền 50.000.000đ bằng tiền mặt cho nguyên đơn, ông V nhận và viết giấy xác nhận không còn nợ nữa. Bị đơn cung cấp một giấy xác nhận nợ bản chính có nội dung “Hôm ngày 8/8/2019. Tôi có nhận 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của cô H. Coi như không còn nợ. Đã thanh toán xong. Bình Lộc, ngày 8/8/2019”, có chữ ký của ông Trần Thanh V. Ông V xác nhận giấy biên nhận này là do chính ông viết và ký tên. Hội đồng xét xử xác định tình tiết là sự thật theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông V cho rằng ông viết biên nhận ngày 8/8/2019, là xác nhận về khoản nợ bà H vay của ông V 100.000.000đ vào ngày 8/3/2019, hẹn 01 tháng sẽ trả, nhưng sau đó bà H không trả bằng tiền mặt mà hai bên thống nhất cân trừ qua tiền nộp hui, cụ thể cân trừ vào dây hui nào thì ông không biết, hết 50.000.000đ, còn 50.000.000đ thì ngày 08/8/2019 bà H trả cho ông V nên ông V mới xác nhận hết nợ. Nguyên đơn cho rằng sau ngày 08/8/2019 vẫn tiếp tục góp hui cho bị đơn và tổng số tiền hui nguyên đơn yêu cầu là nợ hui mà nguyên đơn góp hui cho bị đơn từ đầu năm 2018 đến cuối năm 2019.

Đối với yêu cầu này, qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy, có việc giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện giao dịch góp hui

với nhau, trong đó bị đơn là chủ hội, nguyên đơn là người góp hội và cũng có việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhưng không trả bằng tiền mà hai bên thống nhất dùng nợ vay cần trừ qua nợ hội. Điều này cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận.

Theo bị đơn ngày 08/8/2019, giữa nguyên đơn và bị đơn đã ngồi lại tất toán với nhau và thống nhất bị đơn còn nợ của nguyên đơn 50.000.000đ và nguyên đơn đã ghi xấy xác nhận coi như không còn nợ. Nguyên đơn cho rằng đây là xác nhận về khoản nợ vay ngày 08/3/2019, sau ngày 08/8/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn vẫn tiếp tục chơi hội với nhau, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản chính 15 tờ giấy ghi trên nền tờ lịch là giấy nhận hội bị đơn viết khi thu tiền hội của nguyên đơn và một số tài liệu bản pho to. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn xác định không phải là chữ viết của bị đơn nhưng nguyên đơn không thực hiện việc chứng minh (giám định chữ viết) đó là chữ viết của bị đơn. Bên cạnh đó, số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cũng liên tục thay đổi, không cố định. Lời khai của những người làm chứng cũng không xác định được nguyên đơn đã góp hội cho bị đơn bao nhiêu tiền, không biết có việc cần trừ nợ vay sang nợ hội hay không, không xác định được giữa nguyên đơn và bị đơn còn nợ của nhau bao nhiêu tiền nợ hội và cũng không xác định được sau ngày 8/8/2019 nguyên đơn còn góp hội cho bị đơn nữa hay không. **Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn cũng xác nhận sau ngày 8/8/2019, nguyên đơn không còn tham gia góp hội với bị đơn nữa, số tiền nợ hội là tiền mà nguyên đơn đã góp hội cho bị đơn thời điểm trước ngày 08/8/2019 nhưng nguyên đơn chưa thanh toán. Ngoài ra, nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình.** Do đó, nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền nợ hội như nguyên đơn yêu cầu là không có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về số tiền 4.600.000đ nợ vay:

Ngày 27/5/2020, ông V có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả thêm cho ông số tiền 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm ngàn đồng). Đây là nợ bà H Vay của ông chưa trả hết. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 05/6/2020, bà L và ông V khai đây là số tiền nợ còn lại bà H chưa thanh toán hết trong khoản vay 40.000.000đ, ngày 24/11/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay, sau đó bị đơn và nguyên đơn đã thỏa thuận cần trừ sang nợ hội hết 29.460.000đ, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn lại là 10.540.000đ. Nhưng bị đơn mới chỉ trả được 6.940.000đ, còn 3.600.000đ bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Ngoài ra, bà H còn nợ của ông V 1.000.000đ nợ cũ chưa trả. Tổng cộng là 4.600.000đ.

Người đại diện của bị đơn xác định giữa nguyên đơn và bị đơn không còn khoản nợ nào như nguyên đơn khai. Vì giữa nguyên đơn và bị đơn có nợ hội và nợ vay nhưng đã tất toán và trả hết cho nguyên đơn. Sau ngày 08/8/2019, giữa nguyên đơn và bị đơn không còn khoản nợ nào nữa. Phía nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho các khoản nợ vay như nguyên đơn yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu khởi kiện bổ sung này của nguyên đơn là không có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận.

[4.3] Về số tiền lãi:

Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn yêu cầu thêm số tiền lãi tính từ tháng 5 năm 2020 đến ngày 18/6/2021 là 68.640.000đ.

Đối với yêu cầu này, Hội đồng xét xử xét thấy, đây là yêu cầu bổ sung của nguyên đơn tại phiên tòa và toàn bộ yêu cầu về nợ hui, lãi của nợ hui và nợ vay của nguyên đơn không được chấp nhận. Do đó, yêu cầu này cũng không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận, thì nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh V và bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn bà Phạm Thị Kim H, về việc “Yêu cầu đòi nợ hui và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Trần Thanh V và bà Nguyễn Thị L.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND TP. Long Khánh;
- THA TP. Long Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Thị Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Ảnh

Nguyễn Thúy Phượng

Lê Thị Hoa

